

b) Cung cấp thông tin, tài liệu không đúng thực tế cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán;

b) Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III **HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT** **TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Mục 1 **HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THI CHỨNG CHỈ VÀ** **CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KIỂM TOÁN VIÊN**

Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện hành vi kê khai không đúng thực tế thông tin trong hồ sơ dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy Chứng chỉ kiểm toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 37. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Không theo dõi, điểm danh đối với học viên tham gia học cập nhật;

c) Không thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học viên trên Phiếu đánh giá chất lượng lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

d) Không cấp Giấy chứng nhận cho học viên đã tham gia cập nhật kiến thức và Giấy xác nhận cho kiểm toán viên tham gia giảng dạy các lớp học cập nhật kiến thức sau mỗi lớp học;

đ) Tổ chức lớp học cập nhật kiến thức với số lượng học viên/1 lớp không đúng quy định;

e) Thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học hoặc thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

g) Nộp Báo cáo tổng hợp về kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính hàng năm chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đúng với nội dung, chương trình đã đăng ký với Bộ Tài chính;

b) Nộp Báo cáo kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

c) Thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định; hoặc thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

d) Nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

đ) Kê khai không đúng thực tế, giả mạo, khai man hồ sơ để được chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên;

e) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức kiểm toán viên theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên cho Bộ Tài chính sau mỗi lớp học;

b) Không thông báo cho Bộ Tài chính về nội dung, chương trình, thời gian, địa điểm tổ chức lớp học, chi tiết về giảng viên, số lượng kiểm toán viên hành nghề đăng ký tham dự học trước khi tổ chức lớp học; hoặc không thông báo cho Bộ Tài chính khi có sự thay đổi về các nội dung trên theo quy định;

c) Không nộp Báo cáo tổng hợp kết quả tổ chức lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

d) Thực hiện việc cập nhật kiến thức để tính giờ cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên hành nghề và người đăng ký hành nghề kiểm toán khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

đ) Báo cáo không đúng số lượng người tham gia học cập nhật kiến thức hoặc báo cáo không đúng số giờ cập nhật của kiểm toán viên;

e) Không tổ chức lớp nhưng báo cáo có tổ chức lớp;

g) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho học viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại

điểm d, đ, e, g khoản 3 Điều này từ lần thứ hai trở đi (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm tổ chức đó đang được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên).

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN

Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của mình để đăng ký hành nghề kiểm toán hoặc đăng ký hành nghề kiểm toán tại đơn vị nơi mình thực tế không làm việc theo hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi thuê, mượn, sử dụng Chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc hoặc làm việc theo hợp đồng lao động không đảm bảo là làm toàn bộ thời gian tại đơn vị mình để đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Chứng chỉ kiểm toán viên.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 39. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận không đúng thực tế các thông tin, tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 40. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không nộp trả lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Mục 3
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ
KIỂM TOÁN VÀ KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 41. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế trong hồ sơ đề đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ đề đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 42. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị thu hồi;

b) Làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi bị thu hồi;

b) Không làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có thay đổi phải điều chỉnh theo quy định;

c) Không làm thủ tục hoặc làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

d) Sửa chữa, tẩy xóa, làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi không nộp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính khi bị thu hồi.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.

Điều 43. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định nhưng sử dụng cụm từ "kiểm toán" trong tên gọi.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán nhưng không làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ kiểm toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi đã tạm ngừng hoặc bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

c) Tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi bị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm doanh nghiệp đó đang là doanh nghiệp kiểm toán).

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Điều 44. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng với quy định của Bộ Tài chính.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

Điều 45. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp nhận thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 46. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hợp đồng kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán không đầy đủ các nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán khi thực hiện kiểm toán.

Điều 47. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo mật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tiết lộ thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 48. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;
- b) Ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề;
- b) Ký báo cáo kiểm toán quá ba năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;
- b) Phát hành báo cáo kiểm toán mà ngày ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính;
- c) Lập báo cáo kiểm toán không có đầy đủ chữ ký của kiểm toán viên hành nghề theo quy định;
- d) Giải trình không đầy đủ, đúng thời gian quy định về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không giải trình về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

- a) Bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề;

b) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán quá 3 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (nếu thời điểm phát hiện hành vi vi phạm đang là kiểm toán viên hành nghề);

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

Điều 49. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Mua, nhận, biếu, tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng;

c) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

d) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản tiền dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết;

đ) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán;

e) Can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán;

g) Thực hiện thu nợ cho đơn vị được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;

- b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán;
- c) Thực hiện kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật;
- d) Hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân;
- đ) Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian;
- e) Góp vốn vào từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều này;

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định điểm a, b, c khoản 2 Điều này.

Điều 50. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 51. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán không đầy đủ, an toàn, để hư hỏng, mất mát hồ sơ kiểm toán trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ;

b) Đưa hồ sơ kiểm toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán;

c) Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán;

d) Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục về lưu trữ hồ sơ kiểm toán trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

Điều 52. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Quyết định tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không đúng thẩm quyền;

b) Tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không thành lập hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp, thủ tục tiêu hủy và không lập danh mục hồ sơ kiểm toán tiêu hủy, không lập biên bản tiêu hủy hồ sơ kiểm toán hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện việc hủy bỏ hồ sơ kiểm toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định hoặc cố ý làm hư hỏng hồ sơ kiểm toán.

Mục 5

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 53. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị thuê doanh nghiệp kiểm toán trong các trường hợp doanh nghiệp kiểm toán không được thực hiện kiểm toán theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị thuê doanh nghiệp kiểm toán không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp và các công việc kiểm toán khác theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật khác có liên quan.

Điều 54. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính chậm hơn so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán sau khi thực hiện kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm không thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính khi thực hiện kiểm toán.

Điều 55. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến cuộc kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, đúng thời gian quy định về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc kiểm toán theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề hoặc doanh nghiệp kiểm toán;

b) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán;

c) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán;

d) Che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;

đ) Cản trở công việc và có hành vi hạn chế phạm vi cuộc kiểm toán.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

Mục 6

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG

Điều 56. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khi thay đổi tên gọi, trụ sở, lĩnh vực hành nghề, danh sách kiểm toán viên hành nghề và các thay đổi dẫn đến việc không còn đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán.

Điều 57. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng khi thuộc một trong các trường hợp không được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

b) Đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét khi doanh nghiệp kiểm toán chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính;

c) Đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét hoặc tiếp tục thực hiện hợp đồng kiểm toán, soát xét đã ký với doanh nghiệp kiểm toán trong trường hợp doanh nghiệp kiểm toán đó bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại khoản 3 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 58. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin báo cáo minh bạch

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Bản báo cáo minh bạch khi công bố không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán hoặc người được ủy quyền;

b) Thực hiện công bố thông tin trong báo cáo minh bạch hoặc cập nhật các thông tin thay đổi chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện hành vi vi phạm công bố và cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lập trang thông tin điện tử theo quy định;

b) Không công bố và không cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử;

c) Công bố sai lệch thông tin trong báo cáo minh bạch.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

Điều 59. Xử phạt hành vi vi phạm về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man hồ sơ để đủ điều kiện được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 60. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện một trong các hành vi sau:

1. Không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.
2. Không tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.
3. Lựa chọn doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận khác đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính khi báo cáo tài chính đó đã được một doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.
4. Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận so với năm trước liền kề và lý do thay đổi doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán (nếu có).
5. Không thông báo với cơ quan có thẩm quyền chấp thuận doanh nghiệp kiểm toán thực hiện kiểm toán cho đơn vị mình khi phát hiện kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập.
6. Cung cấp thông tin, số liệu không đúng sự thật liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
7. Không giải trình, cung cấp thông tin liên quan đến các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 61. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đã thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng nay giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị có lợi ích công chúng đó mà thời gian kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán đến ngày giữ các chức vụ này dưới mười hai tháng.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng quá 4 năm tài chính liên tục.
3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - a) Đơn vị có lợi ích công chúng chấp thuận kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính quá 4 năm tài chính liên tục;
 - b) Doanh nghiệp kiểm toán bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho một đơn vị có lợi ích công chúng quá 4 năm tài chính liên tục.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng đối với doanh nghiệp thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này từ lần thứ hai trở đi.

Mục 7

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN QUA BIÊN GIỚI

Điều 62. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kinh doanh kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Giả mạo hồ sơ đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Tiếp tục kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi đã tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán, bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam (nếu đã được cấp Giấy chứng nhận) trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được từ việc thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều này.

Điều 63. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thanh toán và chuyển tiền liên quan đến cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam;

b) Không giao kết hợp đồng kiểm toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

c) Không lập hợp đồng liên danh khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam thực hiện liên danh với doanh nghiệp nước ngoài không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài không thực hiện liên danh với doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 64. Xử phạt hành vi vi phạm về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Nộp báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

c) Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc nộp báo cáo về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi không đảm bảo một trong các điều kiện theo quy định để được cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới;

b) Không nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán kèm theo báo cáo kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, văn bản nhận xét của cơ quan quản lý hành nghề kiểm toán nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính về tình hình thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động kiểm toán và các quy định pháp luật khác cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không báo cáo, báo cáo không đúng thực tế về tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm hoặc cung cấp dịch vụ kiểm toán khi thuộc các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập của Việt Nam;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo, giải trình cho các cơ quan chức năng của Việt Nam các nội dung liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tức quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Điều 65. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Lưu trữ không đầy đủ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Cung cấp không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định cho cơ quan chức năng hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh khi được yêu cầu;

c) Giải trình không đầy đủ, không đúng thời hạn quy định với các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không lưu trữ hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

b) Không cung cấp cho cơ quan chức năng hồ sơ của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi được yêu cầu;

c) Không giải trình cho các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

d) Không báo cáo cho Bộ Tài chính tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Mục 8

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO

Điều 66. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập;

b) Nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

e) Nộp cho Bộ Tài chính Báo cáo tình hình hoạt động năm, Báo cáo tài chính năm trước liền kề chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

g) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

h) Nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

i) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Thông báo cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi có thay đổi về nội dung theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập;

b) Nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình kèm theo Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của từng kiểm toán viên cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

c) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Báo cáo Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Nộp Báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính hàng năm hoặc khi có yêu cầu chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

e) Nộp báo cáo tình hình hoạt động năm, Báo cáo tài chính năm trước liền kề cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

g) Thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

h) Nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định;

i) Báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi có thay đổi phải thông báo theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập;

b) Không nộp báo cáo tổng hợp tình hình duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của các kiểm toán viên đăng ký hành nghề tại đơn vị mình kèm theo Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề kiểm toán hàng năm của từng kiểm toán viên cho Bộ Tài chính theo quy định;

c) Không thông báo cho Bộ Tài chính khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị đối với các trường hợp phải thông báo theo quy định của pháp luật;

d) Không báo cáo Bộ Tài chính khi bị mất, bị hư hỏng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Không báo cáo tình hình duy trì điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán định kỳ hàng năm hoặc khi có yêu cầu cho Bộ Tài chính;

e) Không nộp báo cáo tình hình hoạt động năm, Báo cáo tài chính năm trước liền kề cho Bộ Tài chính theo quy định;

g) Không thông báo bằng văn bản cho Bộ Tài chính khi hoạt động trở lại sau thời gian tạm ngừng kinh doanh kiểm toán;

h) Không nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến Bộ Tài chính theo quy định;

i) Không thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao tài liệu cho Bộ Tài chính về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở của doanh nghiệp kiểm toán ở nước ngoài;

k) Không báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính theo quy định.

Điều 67. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề

1. Phạt cảnh cáo đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thanh đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thông báo, báo cáo chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định cho Bộ Tài chính khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề không thông báo, báo cáo theo quy định cho Bộ Tài chính khi:

a) Không còn làm việc và chấm dứt hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc không còn giá trị;

d) Bắt đầu hoặc tạm ngừng tham gia với tư cách cá nhân làm người đại diện theo pháp luật, giám đốc (phó giám đốc), chủ tịch hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài doanh nghiệp kiểm toán hoặc khi có thay đổi về thời gian làm việc, chức danh tại các đơn vị đó;

đ) Doanh nghiệp kiểm toán bị chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức sở hữu;

e) Có yêu cầu của Bộ Tài chính về việc cung cấp thông tin định kỳ hoặc đột xuất liên quan đến hoạt động hành nghề kiểm toán của mình.

Mục 9
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT
CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 68. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

b) Nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định;

c) Thực hiện báo cáo khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập chậm dưới 15 ngày so với thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Nộp chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Nộp chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán;

c) Báo cáo chậm từ 15 ngày trở lên so với thời hạn quy định hoặc báo cáo không đầy đủ theo yêu cầu khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập;

d) Cung cấp không đúng thời hạn quy định, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không nộp Báo cáo kết quả tự kiểm tra chất lượng dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Không nộp Báo cáo giải pháp khắc phục sai sót và thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra cho cơ quan kiểm tra và Tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán;

c) Không báo cáo theo yêu cầu khi có yêu cầu của Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hoạt động kiểm toán độc lập;

d) Không cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Không xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét, thông tin tài chính, dịch vụ bảo đảm khác và dịch vụ liên quan;

b) Không xây dựng các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán;

c) Không tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét, thông tin tài chính, dịch vụ bảo đảm khác và dịch vụ liên quan;

d) Không thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán;

đ) Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không đúng thực tế cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

e) Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán;

g) Không bố trí kiểm toán viên hành nghề và những người có trách nhiệm liên quan làm việc với Đoàn kiểm tra;

h) Không ký báo cáo kết quả kiểm tra ngay khi kết thúc cuộc kiểm tra.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tức quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với doanh nghiệp kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3, điểm đ, điểm e khoản 4 Điều này.